

YẾU TỐ BẢN ĐỊA, BÀLAMÔN GIÁO VÀ ISLAM GIÁO TRONG TÔN GIÁO CỦA NGƯỜI CHĂM AHIÉR QUA BỘ KINH LÁ BUÔNG (AGAL BAC) MỚI PHÁT HIỆN¹

***Tóm tắt:** Bài viết này, tác giả giới thiệu tổng quan về chủ đề, nội dung của bộ kinh - văn bản lá buông (agal bac) mà tu sĩ Basaih, Po Adhia người Chăm Ahiér đang lưu giữ và dùng để hành lễ hiện nay. Thông qua bộ kinh và việc thực hành nghi lễ của các tu sĩ, tác giả bóc tách nhiều lớp văn hóa, tôn giáo khác nhau trong cộng đồng Chăm. Kết quả nghiên cứu này chỉ ra rằng: tôn giáo Bàlamôn ở người Chăm Ahiér không hoàn toàn chính thống mà là sự dung hòa các yếu tố bản địa, Bàlamôn giáo và Islam giáo.*

***Từ khóa:** Chăm Ahiér, kinh lễ, dung hòa, bản địa, Bàlamôn giáo, Islam giáo.*

1. Dẫn nhập

Trong những năm gần đây, tôn giáo của Chăm được quan tâm nghiên cứu nhiều. Căn cứ vào tiêu chí tôn giáo, nhiều tác giả phân chia người Chăm thành ba nhóm: Chăm Bàlamôn (người Chăm tự gọi là Chăm Ahiér) và Chăm “Hồi giáo cũ” (người Chăm tự gọi là Chăm Awal/Bani) và Chăm “Hồi giáo mới” (Chăm Islam/Muslim)¹. Riêng tác giả Sakaya, chia người Chăm thành 4 nhóm: Chăm Jat² (Chăm theo tôn giáo bản địa), Chăm Ahiér³ (Chăm ảnh hưởng Bàlamôn giáo), Chăm Awal/Bani⁴ (Chăm ảnh hưởng Islam giáo) và Chăm Islam/Muslim (Chăm Islam giáo)⁵.

Để chứng minh cộng đồng người Chăm Ahiér theo tôn giáo Bàlamôn, nhiều tác giả đã chỉ ra các yếu tố biểu trưng của tôn giáo này, như: hệ thống đền tháp Chăm ảnh hưởng Ấn Độ, thờ thần Shiva, Brahma, Visnu, bò thần Nandin; tầng lớp tu sĩ Basaih Chăm hành lễ theo kinh sách (agal bac) của Bàlamôn; hệ thống nghi lễ ở đền tháp; nghi lễ vòng đời người (như đám tang có tục thiêu người chết)... đều ảnh hưởng từ Ấn Độ.

* TS., Khoa Nhân học, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

¹ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số IV1.3-2013.04.

Tuy nhiên, qua gần 20 năm nghiên cứu thực địa, đặc biệt dựa vào văn bản lá buông (agal bac) mà các tu sĩ Basaih, Adhia của người Chăm Ahiér đang lưu giữ và sử dụng để hành lễ hiện nay, chúng tôi nhận thấy rằng: Kinh kệ và nghi thức hành lễ của tu sĩ Chăm Ahiér đã bị Islam giáo hóa, yếu tố bản địa và Balamôn giáo rất mờ nhạt. Hay nói cách khác, kinh sách và lễ nghi của người Chăm Ahiér hiện nay là sự dung hợp các yếu tố bản địa, Balamôn giáo và Islam giáo, chứ không thuần túy là Balamôn giáo.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày hệ thống triết lý, kinh kệ, những bài cúng lễ, bùa chú, và số nghi lễ của người Chăm Ahiér được ghi lại trong văn bản lá buông (agal bac). Qua đó, chúng tôi muốn làm nổi bật sự dung hợp yếu tố bản địa, Balamôn và Islam giáo để trở thành Chăm Ahiér ngày nay.

2. Nội dung của kinh và văn bản kinh lá buông (agal bac)

Từ kết quả sưu tầm gần 200 bộ kinh và văn bản lá buông (agal bac) của người Chăm ở Ninh Thuận, Bình Thuận, chúng tôi nhận thấy, những văn bản đó không những là bộ kinh cúng tế mà còn phản ánh nhiều chủ đề khác nhau. Chúng tôi tạm phân loại như sau:

Chủ đề 1: Tìm hiểu về triết lý, lịch pháp, thiên văn

a) *Sakkarai po kuk ula huk (Kinh Sáng thế)*

Kinh tìm hiểu về nguồn gốc vũ trụ, con người, vạn vật, các vị thần, đền tháp, thánh đường, nhạc cụ và các nghi lễ người Chăm đang thực hiện.

b) *Sakawi (Lịch pháp)*

Đây là phần quan trọng, dùng cho các tu sĩ xem ngày lành tháng tốt để thực hiện nghi lễ ở đền tháp, thánh đường cũng như quang hôn, tang, tế.

c) *Krân di akansas, atau hajan (xem thiên văn, thời tiết)*

Chủ đề này tìm hiểu về thiên văn, sự chuyển động của mặt trời, các vì sao; xem màu mây, tiếng sấm, hướng gió để đón thời tiết, mùa màng, bệnh tật, vận mệnh của đất nước.

Chủ đề 2: Kinh cúng tế

a) *Agal praong (Đại kinh)*

Agal Praong thường dùng trong đại lễ và có 3 tập kinh chính: *É kamrap*, *Lok Katé* và *Gru Taha*. Các tập kinh này được dùng trong các lễ như lễ *Yuer Yang* hay *Cuh Yang Apuei* (lễ tế Thần Lửa ở đền tháp Chăm),

lễ thánh tẩy đất đai (*balih bak*) ở đền tháp Chăm và lễ tôn chức phó cả sư Chăm Ahiér (*tagok manar tapah*).

b) *Agal bac tagok bac* (Kinh phong chức tu sĩ, chức sắc Chăm Ahiér)

Bộ kinh này bao gồm các bài kinh như sau:

- *Trah lok kajai*: Kinh trấn tà ma (*bac tiap*) thường dùng trong lễ tôn chức Phó cả sư (*ndam tagok tapah*).

- *Agal buh bit*: Kinh đọc trong nghi thức tái tạo các bộ phận con người, dùng trong lễ tôn chức Phó cả sư sau lễ nằm thiên (*ndih di brah buer*).

- *Agal bac da-a*: Kinh đọc mời thần thánh về ngự nơi bàn tổ để chứng giám cuộc lễ.

- *Agal bac cakap* hay *Agal ndih di brah buer*: Kinh đọc các giáo điều răn cấm khi Phó cả sư nằm thiên trên đồng gao lễ trong lễ phong chức (*ndam tagok bac*).

- *Agal bac da-a Muk Duen, Ong Ro Duen*: Kinh đọc mời Bà Duen, ông Ro Duen vào ban đêm khoảng từ 12 giờ đến 1 - 2 giờ sáng hôm sau, tiếng Chăm gọi là *tuk krak pak malam* tương đương với giờ Tý âm lịch trong lễ tôn chức Phó cả sư.

- *Agal bac Ikak kata* hay *ikak pan*: Kinh đọc cột ba lọn tóc trên đầu chức sắc được tôn chức Phó cả sư. Đây là thời gian ba năm tu khổ hạnh. Mỗi năm làm lễ thánh tẩy một lần. Năm đầu gọi là *Panoja kacua* để cắt một lọn tóc đã cột. Hai năm kế tiếp gọi là *Panoja halai* và *Panoja tapuic*: lễ thánh tẩy thứ và sau cùng có nghĩa là lễ mãn hạn tu khổ hạnh. Sau đó mới chính thức nhận chức Bac (Phó cả sư).

c) *Agal bac balih* (Kinh làm lễ tẩy thể, tẩy ứ đền tháp, đất đai, nhà cửa)

Bộ kinh này gồm các bài cụ thể như sau:

- *Agal bac Balih*: Kinh đọc trong lễ tẩy ứ đất đai.

- *Agal bac palaik thap tanah riya*: Kinh đọc tế thần đất đai bằng con gà còn sống được chôn vào lỗ trước cửa nhà.

- *Agal srah aia mul* hay *Jap aia jru*: Kinh đọc rảy nước thuốc, trong lễ tẩy ứ đất đai.

- *Agal bac cakak mata yang* hay *bac craih mata yang*: Kinh đọc khai mắt thần, dùng trong lễ cúng tượng mộ Kút mới xây dựng.

Chủ đề 3: Những bài hướng dẫn tu sĩ thực hành lễ cúng

- *Danak ngap ndam matai*: Bài hướng dẫn tu sĩ thực thành lễ tang.
- *Danak rep sanai*: Bài hướng dẫn tu sĩ dựng bàn tổ thực hành nghi lễ.
- *Danak tok gaon di katuec*: Bài hướng dẫn tu sĩ cầu thần Gò mối.
- *Danak jraow thok*: bài hướng dẫn tu sĩ thực hành lễ tắm hài cốt.
- *Kaleng tanra*: hay *Kaleng drep thum*: bài hướng dẫn tu sĩ thực hành lễ dựng chòi.
- *Kaleng Débita*: Bài hướng dẫn giải nghiệp chướng của chức sắc Basaih.
- *Kaleng mak cak kura ba phat*: Bài hướng dẫn thực hành tu sĩ bắt hồn ma dữ.
- *Kaleng pathut tanah riya*: Bài hướng dẫn tu sĩ thực hành tái tạo dựng trời đất...
- *Danak balih ka urang peda*: Bài hướng dẫn tu sĩ hành lễ cúng chữa trị cho người bệnh kinh niên.
- *Danak ngap yang ew padai*: Bài hướng dẫn tu sĩ thực hành lễ cúng ruộng, cúng lúa.
- *Danak padang sang, padng wan kabaw*: Bài hướng dẫn tu sĩ dựng chuồng trâu (*danak ngap wan kabau*).

Chủ đề 4: Bùa chú (Baoh sarak adamah)

Bùa chú gồm có 3 loại:

- Baoh sara: Bùa bằng những kí hiệu, biểu tượng.
- Adamah: Bùa bằng hình vẽ.
- Akhar sarak: chữ bùa (bùa viết bằng chữ).

Tất cả loại bùa này được dùng trong các nghi lễ, thánh tẩy đất đai đền tháp, nhà cửa, đám tang, trấn tà ma, chữa bệnh.

Chủ đề 5: Thần chú (Sanau gai)

Câu thần chú được chép trên giấy được các tu sĩ, chức sắc Chăm Ahiér dùng đọc trong các nghi thức cúng tế, tôn giáo và trong sinh hoạt hàng ngày của bản thân các tu sĩ (tiểu tiện, tắm gội, mặc áo...).

Nói chung, một bộ kinh lá buông đầy đủ của vị cả sư Po Adhia để cúng lễ ít nhất cũng phải có 5 - 9 văn bản, được để trong một cái “Ciet”⁶ treo trên trần nhà. Tuy nhiên, do kinh và văn bản lá buông là di sản thừa kế từ nhiều đời, từ cả sư này đến cả sư khác nên đa số bộ kinh bị thất lạc.

Rất ít cả sư nào của người Chăm Ahiér giữ được trọn vẹn bộ kinh. Chỉ có trường hợp gia đình ông ĐXT tại Ma Lâm (Pajai), tỉnh Bình Thuận còn lưu giữ được một bộ kinh trọn vẹn có 9 tập. Lý do là vì bộ kinh này không có người thừa kế, thất truyền, gia đình giữ nguyên từ bao đời nay, xem là báu vật linh thiêng nên không ai dám đụng đến. Nhờ đó mà bộ kinh đó còn nguyên vẹn đến ngày chúng tôi phát hiện và mở ra xin chụp ảnh (5/2015). Còn bộ kinh nào có sự thừa kế truyền đi truyền lại từ nhiều đời thì đa số bị thất lạc, thường chỉ còn lại từ 3 - 5 bộ kinh chính như: Agal Praong (đại kinh), Agal tagok bac (kinh phong chức sắc), Agal balih (kinh thánh tầy đền tháp, nhà cửa)... Trường hợp này có thể xem các bộ kinh ở các vị cả sư ở đền tháp Chăm tỉnh Ninh Thuận. Hơn nữa, bộ kinh Agal bac được người Chăm xem là báu vật linh thiêng không được ai đụng đến, chỉ có tu sĩ Basaih và cả sư Po Adhia mới được mở ra và dùng trong việc cúng lễ. Vì vậy, rất khó khăn cho việc nghiên cứu, thống kê, phân loại. Hy vọng trong năm tới, chúng tôi sẽ công bố, dịch thuật một số tư liệu trên một cách có hệ thống. Đây là tư liệu căn bản, quan trọng để nghiên cứu, nhận diện tôn giáo của người Chăm Ahiér ở Ninh Thuận và Bình Thuận.

3. Những lớp văn hóa, tôn giáo trong hệ thống kinh lá buông của người Chăm

3.1. Kinh Sáng thể của người Chăm Ahiér qua văn bản lá buông (Agal bac)

Kinh Sáng thể của người Chăm Ahiér có tên là “Sakkarai Po Ula Huk” (Sự tích đấng Po Ula Huk). Chúng tôi sưu tầm được tất cả 15 văn bản giống nhau. Trong đó, chỉ có văn bản của ông TXH ở thôn Lạc Trì, Bình Thuận (được ghi mã số là GXH02) còn nguyên vẹn, đầy đủ rõ ràng nên chúng tôi chọn làm văn bản chính để nghiên cứu. Nội dung Kinh Sáng thể này được tóm tắt như sau:

Kinh Sáng thể của người Chăm mang tên Sakkarai Po Ulla Huk có 152 trang⁷, viết về vai trò Po Ulla Huk. Theo Kinh Koran (Kur’ar) của người Islam giáo viết lại: *Allahu (Allahu Akbar)* là một “vị thần lớn nhất trong vị thần Islam giáo” nhưng không có tiểu sử trong Kinh Koran (Kur’ar). *Allahu Kabar* chỉ được tín đồ Islam giáo dùng cầu kinh *Takbir* để giết động vật trong lễ cúng tế⁸. Tuy nhiên, Po Ulla Huk (Allahu) lại trở thành vị thần sáng thể cùng với những vị thần khác sáng tạo ra thần thánh, vạn vật, con người, đền tháp, thánh đường... Cụ thể được tóm lược như sau:

- Po Ulla Huk giảng xuống trần gian các đấng tối cao, các vị thiên sứ của Islam giáo như Alla, Mohammat, Ji Él Lak, Yong Nuk, ông Braik Mata, Ali, Fatimah, Po Hao Wa (Eva), Po Adam... và các vị thần Chăm như Po Ina Nagar, Kei Glong, Kei Bien; các thần Bàlamôn Po Siba (thần Shiva), Po Sapalai (thần Sáng tạo), Po Sapajiang (thần Hủy diệt);

- Hình thành vũ trụ sơ khai, trời đất, biển, núi, mặt trời, mặt trăng, mây, gió, bão;

- Tạo ra thân thể con người, cũng như các màu sắc, cây cối trong tự nhiên;

- Hình thành cơ sở thờ tự như đền tháp (bimong, kalan), thánh đường (sang magik);

- Tầng lớp tu sĩ (Basaih, Acar, Imam, Katip, Hala Acar, Muk Dut, Muk Mboy, Muk Pok Lisei);

- Hình thành ngày đêm, lịch pháp (ngày, tháng, tuổi, con giáp), hình thàng ngày thứ sáu đầu tiên;

- Các tục lễ cúng tế trong thánh đường người Chăm Awal và đám tang của người Chăm Ahiér;

- Tạo ra sự dung hòa, nối kết giữa hai nhóm Chăm: Chăm Ahiér và Chăm Awal;

- Tạo thành các vật lễ như *ralang* (cây cỏ tranh), *ganrac* (vật hành lễ), vung đất thánh (*tanah kumpal, makah*), haji (hành hương);

- Tạo ra các động vật thiêng như bò thần Nandin (*Limaow kapil*), trâu tế lễ (*kabaw jii*), ngựa (*asaih*); nhạc lễ (*hagar, céng*).

Đó là kinh triết lý cơ bản, nằm trong bộ kinh quan trọng của thầy Basaih - tu sĩ Chăm Ahiér.

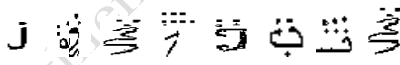
Tuy nhiên, yếu tố bản địa Chăm trong Kinh Sáng thế này rất mờ nhạt, chỉ đề cập đến hai nhân vật Kei Glong, Kei Bien liên quan đến truyền cổ Chăm có công đào biển đắp núi. Yếu tố Bàlamôn giáo trong kinh này cũng vậy, rất mờ nhạt. Po Ina Ina Nagar (bà thánh mẫu), Po Siba hay Sibai (thần Siva), thần sáng tạo (Po Sapalai), thần hủy diệt (Po Sapajiang) xuất hiện trong kinh này chỉ là sai sứ của đấng Alla. Các đấng (nabi) và các vị thần trong Kinh Koran xuất hiện nhiều trong Kinh Sáng thế của Chăm Ahiér, như: Nabi Mosa, Nabi Esa, Nabi Nuk, thiên thần Ji él lak (Jibril - Gabriel), Hoa wa (Eva) và Adam (Adam), Đấng Alla,

Muhammat, Fatimah, Ali⁹... Những đấng và vị thần này có vai trò quan trọng trong quá trình hình thành thần linh, vũ trụ, con người, vạn vật, đền tháp, lịch pháp, các loại lễ cúng cho tu sĩ Chăm Ahiér và Awal.

3.2. Lịch pháp

Lịch pháp được ghi lại qua văn bản lá buông để các tu sĩ Chăm xem ngày lành tháng tốt thực hiện cúng lễ cho tín đồ (Văn bản mã số GXH04). Chúng tôi sưu tầm được khoảng 7 văn bản lịch Chăm viết trên lá buông (agal bac). Nội dung của 7 văn bản này tương đối giống nhau.

Dựa vào văn bản ghi lại trên lá buông, chúng tôi nhận biết lịch Sakawi mà tu sĩ Chăm Ahiér đang sử dụng không phải là lịch Saka Ấn Độ như vẫn suy đoán mà là loại lịch hỗn hợp giữa lịch Saka của Ấn Độ và lịch Jawi của Islam giáo (Sakawi = Saka+ Jawi). Lịch này lấy tên ngày trong tuần, tên tháng trong năm bằng 3 thứ tiếng: Chăm - Phạn - Arab. Đặc biệt Sakawi Chăm có 8 Can (cung) gọi là “*ikas sarak*” đều viết theo biểu

tượng chữ Arab theo thứ tự như sau:  (đọc là: *liéh, hak, jim giữa, jây, dal, bak, waw, jim*).

Bảng thống kê tên tháng trong lịch Chăm

Tên tháng Chăm	Tên tháng Sanskrit	Tên tháng Arab	Tiếng Việt
Bilan sa	चैथ Hindi-Chaitra	Muharam ¹⁰	Tháng 1
Bilan dua	वैशाख Vaishākh	Safar	Tháng 2
Bilan klau	ज्येष्ठ Jyaishtha	Rabiulawal	Tháng 3
Bilan pak	अषाढ Āshādha	Rabiulakhir	Tháng 4
Bilan lamâ	श्रवण, सावन Shrāvana	Jamdilawal	Tháng 5
Bilan nam	भादो Bhaadra or Bhādrapad	Jamadirakhir	Tháng 6
Bilan tajuh	अश्विन Āshwin	Rejab	Tháng 7
Bilan dalipan	कार्तिक Kārtik	Syaaban	Tháng 8

Bilan salapan	भादो Agra hayana or, Mārgashīrsha	Ramadan/ramawan	Tháng 9
Bilan sa pluh	फागुन Phālgun	Syawal	Tháng 10
Bilan puis	पूस Paush	Zulkaedah	Tháng 11
Bilan mak	माघ Magrib	Zulhijah	Tháng 12

Lịch này có hai phần, lịch dùng cho Chăm Ahiér gọi là “Sakawi Ahiér” và lịch dùng cho người Chăm Awal gọi là “Sakawi Awal”. Sakawi Ahiér là loại âm dương lịch hỗn hợp, tính tháng theo Mặt Trăng và năm theo Mặt Trời và các vì sao (sao hôm, sao tua rua, sao chổi). Số ngày trong Lịch Sakawi Ahiér thường là 29 ngày, tháng nhuận 30 ngày; năm thường 365, năm nhuận 366 ngày, 3 năm nhuận một lần. Lịch này dùng để người Chăm xem ngày lành tháng tốt trong việc sinh hoạt, sản xuất và cúng lễ. Sakawi Awal cũng tương tự như âm lịch, tính năm theo Mặt Trăng, năm thường chỉ có 354 ngày và năm nhuận 355 ngày, 3 năm nhuận một lần. Lịch này dùng cho người Chăm Awal xem ngày tháng để cúng lễ trong thánh đường, đúng như lịch Arab. Còn ngày tháng sinh hoạt, sản xuất, thực hiện lễ quang, hôn, tang, tế thì người Chăm Awal cũng dùng chung lịch Sakawi Ahiér.

Hàng năm, khi tính lịch, hai nhóm tu sĩ Chăm Ahiér và Chăm Awal phải ngồi lại với nhau, tính toán làm sao dung hòa hai loại lịch trên cho thống nhất. Vì các ngày cúng lễ của người Chăm Ahiér và Awal có mối quan hệ với nhau không thể tách rời.

Ngoài yếu tố lịch Saka (Ấn Độ) và Jawi (Arab), yếu tố bản địa trong lịch Chăm rất mờ nhạt, chỉ sử dụng số đếm theo ngôn ngữ Chăm để tính tháng, áp dụng thời tiết, thiên văn, cây trồng để đoán mùa màng và định ra luật nhuận của lịch.

3.3. Từ Kinh Sáng thế đến việc thực hành nghi lễ của tu sĩ Chăm Ahiér

Kinh Sáng thế không chỉ là triết lý, tư tưởng mà còn là kim chỉ nam để cho tu sĩ Chăm Ahiér (Basaih, Adhia) thực hiện lễ nghi. Trong gần 75 nghi lễ, hội hè của người Chăm mà chúng tôi thống kê đều có sự dung hòa giữa yếu tố bản địa, Bàlamôn giáo và Islam giáo¹¹. Vì trang viết có hạn, nên chúng tôi sẽ đưa ra ba nghi lễ điển hình trong trường hợp này để phân tích. Đó là nghi lễ thánh tẩy đền tháp (*Balih bimong, kalan*) thuộc

nghi lễ cộng đồng; lễ thánh tẩy đất thổ cư (*balih tanâh sang*) thuộc lễ nghi gia đình và đám thiêu (*ndam cuk*) thuộc lễ vòng đời người.

Trong tất cả những nghi lễ trên, yếu tố Bàlamôn giáo rất mờ nhạt, biểu hiện qua vài yếu tố sau: Khi cúng lễ, tu sĩ Basaih thường hướng mặt về hướng Đông để cầu thần; tu sĩ thường vẽ bùa Omkara (Homkar) trước mặt; cúng biểu tượng Linga - Yoni trong đền tháp; trong nghi lễ có cầu thần Siba (Siva); bò Nadin, chim thần (Garuda); trong lễ nghi phong chức sắc có nghi thức nằm thiêu; lễ nghi thường phải thực hiện ở 8 hướng - theo triết lý vũ trụ quan 8 hướng của Ấn Độ như hướng Đông (Pur), Tây (Pai), Bắc (Út), Nam (dak), Đông Bắc (Esan), Tây Bắc (Payop), Đông Nam (Agrih) và Tây Nam (Naliti)...

Tu sĩ Basaih Chăm Ahiér không phải là những người chỉ phụng sự những vị thần Bàlamôn giáo như chúng ta vẫn nghĩ, mà trong Kinh Sáng thể do những ông tu sĩ Chăm Ahiér nắm giữ viết rằng:

Nếu ai hỏi thầy Basaih phụng sự bao nhiêu vị thần, thì trả lời rằng: Basaih nắm giữ 3 đấng Nabi: Mosa, Esa và Adam trong kinh Koran (mayah urang tinya ka basoh apan hadom nubi lac apan klau nâbi, sa mâng nubi (nabi)¹² mosa dua mâng nubi ésa klau mâng nabi adam) (GXH02, tr. 89).

Trước khi hành lễ, các tu sĩ Basaih phải đọc câu thần chú “Il lar po kau” (Alla đấng chủ của tôi). Khi kết thúc nghi lễ nào đó, Basaih phải đọc câu thần chú “Likau po nao haji” (Xin ngài cho tôi hành hương) (GXH02, tr. 89).

Hai câu trên, khi hành lễ, nhiều tu sĩ Basaih Chăm chỉ đọc thầm trong miệng như câu thần chú. Nhiều tu sĩ Basaih chỉ biết đọc cho có lệ, không hiểu nên có khi đọc chệch âm. Từ đó, họ khó giải thích câu thần chú trên, chỉ hiểu và truyền tụng nhau “gọi là câu thần chú bí ẩn”. Chỉ khi đọc văn bản chỉ dẫn Basaih hành lễ trong kinh văn bản lá buông (agal bac) thì mới hiểu được đầy đủ hai câu thần chú nêu trên.

Hiện nay, một số nghi lễ, tu sĩ Basaih của Chăm Ahiér thực hiện theo Kinh Sáng thể của Islam giáo. Ví dụ, trong lễ cúng thanh tẩy đất đai (*balih tanâh*), tu sĩ Chăm có nghi thức chôn gà con sống trước nhà là bắt nguồn từ sự tích trong Kinh Sáng thể Po Ulak Huk, vì chính máu gà tạo thành gân, mạch của đất. Muốn đất tốt, đất mới không bị ô uế thì phải làm lễ thánh tẩy đất với tục chôn con gà.

Trong tục cúng làm lễ tẩy thể đất đai, ông thầy Basaih thổi Óc (tù và) ra âm thanh, cũng bắt nguồn từ Kinh Sáng thể - Po Alla huk sai ông Mbraik Mata thổi tù và trong 7 ngày để hình thành trái đất, vạn vạn con người.

Trong tục cúng lễ của Chăm Ahiér, tu sĩ Basaih thường dùng cây cỏ tranh (*phun kalang*) để làm lễ cúng cũng bắt nguồn từ cây trồng của Po Alla Huk mọc ở biển.

Trong lễ tang của người Chăm Ahiér, yếu tố bản địa thể hiện ở chỗ, khi người mới chết thì tu sĩ Basaih không được tham gia cúng lễ mà chỉ có ông thầy dân gian (Gru urang) làm lễ chôn cất theo nghi thức truyền thống. Người chết được tắm, sau đó liệm bằng 3 bộ đồ và đem chôn ở nghĩa địa với một số đồ tùy táng đơn giản là những đồ dùng trong sinh hoạt hàng ngày như nồi, niêu, ấm, tách, chén đĩa.

Sau khi chôn được từ 1 - 3 năm, người Chăm lấy hài cốt người chết lên làm đám thiêu do tu sĩ Basaih thực hiện. Đám thiêu (*ndam cuk*) có nhiều yếu tố ảnh hưởng từ Bàlamôn giáo, như xương cốt bị thiêu, giàn khiêng thi hài có dán hình Omkara (Homkar), hình chim thần Garuda, bò thần Nandin.

Ngoài những yếu tố bản địa và Bàlamôn giáo trình bày trên, trong đám thiêu của người Chăm Ahiér còn thể hiện rõ nhiều yếu tố Islam giáo. Trong lễ tang, thi hài (hài cốt) người chết được chia làm hai phần: phần thịt, lục phủ ngũ tạng tượng trưng cho thân thể người Chăm Ahiér; phần xương của thi hài là phần tượng trưng cho người Chăm Awal/Bani. Phần xương cốt do tu sĩ Basaih dùng cây cỏ tranh (*phun kalang*) trong Kinh Sáng thể tái tạo lại bỏ chung vào hòm thi hài người chết. Kinh Sáng thể cho biết, tu sĩ Basaih đan cỏ tranh làm xương cho thi hài (Basaih pak kalang) này là đại diện cho đấng Nabi Ji Bura Él Lak (Jibrael) - một thiên thần trong Kinh Koran.

Cây gỗ dùng làm giàn khiêng thi hài đi thiêu là loại cây soài (mặc dù dùng bất cứ gỗ gì để làm giàn khiêng người chết nhưng khi đọc kinh cúng lễ, Basaih phải đọc là cây soài). Cây soài cũng là loại cây do Po Ulla Huk giáng xuống.

Văn bản agal bac viết: “bure mang po alua huk patrún ralang tasik dahlau blaoh patrún ralang cek blaoh patrún pa-aok blaom” (trước tiên Po Alla Huk cho cây cỏ tranh ở biển trước, rồi cỏ tranh ở núi và cây soài xuống sau... [để làm đám thiêu cho người chết]) (GXH02, tr.20).

Trong đám thiêu của người Chăm Ahiér trong ngày cuối cùng, nghệ nhân Chăm Ahiér mặc áo tu sĩ Po Acar của người Chăm Awal/Bani hát lễ tiễn đưa linh hồn (*adaoh mac*) người chết Chăm Ahiér về thiên giới.

Sau khi hát tiễn đưa, người khiêng thi hài từ rạp tang lễ ra ngoài đồng làm lễ thiêu cũng mặc áo tu sĩ Po Acar Chăm Bani. Người Chăm gọi những người khiêng thi hài này là ông Hala Acar (người đóng vai tu sĩ Acar Chăm Bani).

Theo Kinh Sáng thế, trong bốn ông Hala Acar, có một ông “ragei phun” tượng trưng cho nhau thai lớn, ông “ragei hajung” tượng trưng cho da của nhau thai và người phục vụ cơm lễ trong đám thiêu cũng tượng trưng cho bà mẹ, ngày xưa đến từ xứ Thien Nien (Sinin). Sinin là tên của ngọn núi thánh ở miền Nam Arab được đề cập ở câu 2, chương 96 của Kinh Koran (Văn bản Chăm viết: Nan pak urang hula acar nan. Lei ragei phun bangsa paok [thaok] praong, ragei hajung bangsa kulik paok [thaok], lei urang buh lasei bangsa muk mbuai, tap (tak) kal m̄arai m̄ang n̄agar Thien Nien [Sinin]) (GXH,02, tr. 93).

Khi thực hiện đám thiêu xong, người Chăm chỉ lấy 9 miếng xương trán người quá cố đưa vào chôn vào mộ Kut - một dạng đá mộ tương tự như bia mộ Islam giáo ở Mã Lai, Indonesia và Arab. Sau khi thiêu xong, họ lại đắp một mộ giả nhỏ chỗ lễ thiêu - mộ này người Chăm gọi là mộ của ông Umarúp - một nhân vật Chăm cải giáo theo Islam giáo được lưu truyền trong sử thi Akayet Umarup của người Chăm¹³.

Như vậy, trong đám thiêu của người Chăm Ahiér mặc dù bề ngoài, ánh hào quang phản chiếu nhiều về Balamôn giáo như trình bày trên, nhưng cuối cùng bên trong lễ thiêu, các thần linh và tu sĩ (ông Hala Acar) của người Chăm Awal lại tiễn đưa linh hồn người Chăm Ahiér về thiên giới. Cụ thể là linh hồn của họ về với mộ Kut kiểu Islam giáo, về lại vùng đất thánh (Tanah Kumpal) ở thánh địa ở La Macca, chứ không phải là đất thánh “Tanah Kumpal” bên bờ sông Hằng, Ấn Độ như một số học giả viết.

4. Kết luận

Từ trước đến nay, các học giả Pháp và Việt Nam khi nghiên cứu về cộng đồng người Chăm Ahiér thường kết luận họ là người Chăm Balamôn giáo. Để có kết luận trên, nhiều tác giả chỉ dựa vào tài liệu điền dã, phỏng vấn và mô tả sơ lược lễ nghi tại thực địa. Nên một số nhận

định về người Chăm Balamôn còn cần bổ cứu thêm. Tài liệu văn bản lá buông (agal bac) của người Chăm góp phần làm sáng tỏ một số vấn đề về người Chăm Ahiér. Nghiên cứu tài liệu này, chúng tôi không tìm được gì thêm về yếu tố Balamôn giáo, mà bộ kinh này chỉ chứa đựng tàn dư của Balamôn giáo và một ít văn hóa bản địa, còn lại là bị Islam giáo hóa hoàn toàn. Giữa cộng đồng Chăm Ahiér và Chăm Awal/Bani không đứng biệt lập mà có mối quan hệ với nhau khăng khít. Chính những yếu tố này đã tạo thành bản sắc văn hóa, tôn giáo riêng của cộng đồng người Chăm vùng Panduranga (Ninh - Bình Thuận ngày nay) bắt đầu từ sau thế kỷ XV, khi nền văn minh Ấn Độ sụp đổ ở Champa cũng như các quốc gia Đông Nam Á. Vì vậy, không nên gọi “Chăm Balamôn” mà phải trả về nghĩa gốc, tên tự gọi của dân tộc Chăm là “Chăm Ahiér” (nhóm Chăm theo Islam giáo sau) và Chăm Islam giáo cũ là “Chăm Awal” (nhóm Chăm theo Islam giáo trước).

Văn bản lá buông Chăm (Agal bac) còn nhiều vấn đề mới không thể ghi ra hết ở đây. Hy vọng trong tương lai không xa, toàn bộ nội dung văn bản lá buông sẽ được dịch thuật và công bố, góp phần làm sáng rõ một số vấn đề văn hóa Chăm hiện nay./.

CHÚ THÍCH:

- 1 E. Aymonier (1891), *Người Chăm và các tôn giáo của họ*, Paris Ernest Leroux, Éditeur; Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dốp (1991), *Văn hóa Chăm*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 2 Cam Jat: Jat có nghĩa là gốc; Cam Jat là Chăm gốc, Chăm chưa theo tôn giáo nào.
- 3 Cam Ahiér: Ahiér gốc từ Arab có nghĩa là sau, phần sau. Chăm Ahiér: Chăm theo Islam giáo sau.
- 4 Cam Awal: gốc từ Arab có nghĩa là trước, phần trước; Bani, Beni: đứa con trai của Islam giáo. Chăm Awal là Chăm theo Islam giáo trước.
- 5 Sakaya (2008), “Sự biến đổi tín ngưỡng, tôn giáo của người Chăm ở Việt Nam”, trong sách *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới, Hà Nội: 131 - 173.
- 6 “Ciet” một loại giỏ đan bằng vỏ cây roi mây hoặc vỏ tre, nửa hình hộp vuông hoặc chữ nhật có nắp đậy (dài 40cm x rộng 30cm x cao 50cm). Người Chăm thường bỏ tác phẩm văn bản chữ Chăm (bằng lá buông, giấy) hoặc trang phục dùng cho việc cúng lễ vào giỏ Ciet này rồi treo lơ lửng ở trần nhà nhằm tránh mối mọt, côn trùng phá hoại. Khi có dịp cúng tế hoặc cần sử dụng thì chủ nhân phải làm một lễ cúng (1 xị rượu, 3 trứng gà, vài lá trầu cau) mới được đưa xuống và lấy ra dùng.
- 7 Trang văn bản lá buông (agal bac) có kích thước dài khoảng 30cm x rộng 10cm.

- 8 Thomas Patrick Hughes, B. D., M.R. A.S (1993), *Dictionary of Islam (Từ điển Islam giáo)*, KAZI Publication, Inc. (USA): 14.
- 9 Một số vị thần như Mosa, Nabi Esa, Nuk, Jibril - Gabriel, Eva và Adam... có nguồn gốc từ sách Cựu Ước và Tân Ước của Công giáo được Islam giáo vay mượn để hình thành Thiên kinh Koran. Sau đó, từ Thiên kinh Koran, truyền vào Kinh Sáng thế của người Chăm (xem Kinh thánh Tân Ước, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2013; Thiên kinh Qur'an, Trung tâm Ấn loát Quốc vương, Madinah, K.S.A).
- 10 Tên tháng Arab trong tài liệu Chăm phiên âm và viết nhiều kiểu khác nhau, trong bảng này chúng tôi viết lại đúng tên tháng gốc trong từ điển Arab (xem: Muhd Farhan Basheer (2005), *Quamus Azakiyy: Malay - Arab - English*, Al-Hidayah Publishers).
- 11 Sakaya (2014), *Lễ hội của người Chăm*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 14.
- 12 Nabiyy (ar), nâbi, nabi (cam, mal): nhà tiên tri, người đoán trước (đấng, đấng tiên tri), Prophet.
- 13 Po Dharma, Nicolas Weber, Abdulah Zakaria Bin Ghazali (2007), *Akayét Um Marup (Epopée Um Marup)*, EFEO, Kula Lumpur.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aymonier E (1891), *Người Chăm và các tôn giáo của họ*, Paris Ernest Leroux, Éditeur.
2. Muhd Farhan Basheer (2005), *Quamus Azakiyy: Malay- Arab - English*, Al-Hidayah Publishers.
3. Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dốp (1991), *Văn hóa Chăm*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Hồng Dương (2007), *Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo, tín ngưỡng Chăm ở hai tỉnh Bình Thuận và Ninh Thuận hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
5. *Kinh Thánh Tân Ước, Song ngữ Koho - Việt*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2008.
6. *Kinh thánh Tân Ước*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2013.
7. *Mác theo kinh thánh* (Bruk Po etha ngap tuei tapuk MAC) (1973), Việt Nam xuất bản, Sài Gòn.
8. Nhiều tác giả (2004), *Tôn giáo và tôn giáo ở Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
9. Po Dharma, Nicolas Weber, Abdulah Zakaria Bin Ghazali (2007), *Akayét Um Marup (Epopée Um Marup)*, EFEO, Kula Lumpur.
10. Nhiều tác giả (2006) *Những vấn đề Nhân học tôn giáo*, Nxb. Đà Nẵng, Tạp chí Xưa & Nay.
11. Sakaya (2000), “Thực trạng tôn giáo, tín ngưỡng của người Chăm Ninh Thuận”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 4: 40 - 44.
12. Sakaya (2003), “Loại hình tôn giáo nguyên thủy trong lễ hội Chăm”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1: 55 - 59.
13. Sakaya (2007), “Tín ngưỡng dân gian trong lễ hội Chăm”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 5: 28 - 34.

14. Sakaya (2008), “Sự biến đổi tín ngưỡng, tôn giáo của người Chăm ở Việt Nam”, trong sách *Sự biến đổi của tôn giáo tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Thế giới, Hà Nội: 131 - 173.
15. Sakaya (2015), “Dấu ấn tôn giáo Islam trong văn hóa Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận”, *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 1 (139): 60 - 73.
16. Sakaya (2014), *Lễ hội của người Chăm*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. *Thiên kinh Qur'an*, Trung tâm Ấn loát Quốc vương, Madinah, K.S.A.
18. Thomas Patrick Hughes, B. D., M.R. A.S (1993), *Dictionary of Islam (Từ điển Islam giáo)*, KAZI Publication, Inc. (USA).

Abstract

INDIGENOUS ELEMENTS, HINDUISM AND ISLAM IN RELIGION OF THE CHĂM AHIÉR THROUGH THE AGALBAC SCRIPTURES

The author presents an overview of the topic and content of the *agalbac* scriptures that preserved by Basaih, Po Ahiér Adhia (Chăm Ahiér clergies) and they are currently used in rites. Through the scriptures and practice of the religious rites of the clergy, the author dissected the cultural and religious layers in the Chăm community. The research indicated that Hinduism of Chăm Ahiér is not entirely orthodox but it is tolerance of indigenous elements, Hinduism and Islam.

Keywords: Chăm Ahiér, ritual scriptures, indigenous, Hinduism, Islam.